TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Nguyễn Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 504/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 71/TB-TA ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị Thanh M; nơi ĐKHKTT: Số 4A CT1 A6 phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 107C Khu tập thể s, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Duy L; nơi ĐKHKTT: Số 4A CT1 A6 phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 30/QĐTN ngày 08/7/2010 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019 bản tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh M trình bày:

Năm 2000, chị và anh L kết hôn trên cở sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2000 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận N, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được 09 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Đến năm 2010 anh L bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", sau khi Tòa án xét xử anh L bỏ trốn khỏi địa phương. Công an quận N, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định truy nã từ đó cho đến nay chị và anh L sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Chị và gia đình cũng đã tìm kiếm anh L bằng nhiều biện pháp nhưng đến nay cũng không có tin tức anh L ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hơn nữa để ổn định cho chị làm ăn nuôi con. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

Về việc nuôi con: Chị xác nhận giữa chị và anh L có hai con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/01/2000 và Nguyễn Thùy L, sinh ngày 17/11/2006. Hiện con Nguyễn Duy L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị nuôi con Nguyễn Thùy L, vì từ thời điểm năm 2010 cho đến nay anh L trốn truy nã, chị vẫn là người chăm sóc nuôi dạy con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Thanh M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy L đang bị truy nã theo Quyết định truy nã số 30/QĐTN ngày 08/7/2010 của Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Duy L vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không lấy được lời khai của anh L.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình chị M và anh L: Thể hiện chị M và anh L chung sống hạnh phúc được 09 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Năm 2010, anh L bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" hiện đang bị truy nã; về con chung: Chị M và anh L có hai con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/01/2000 và Nguyễn Thùy Li, sinh ngày 17/11/2006. Hiện con Nguyễn Duy L đã trưởng thành. Ly hôn Tòa án nên giao con Nguyễn Thùy Li cho chị M nuôi; về tài sản chung: Không nắm được nên không có ý kiến.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, tại hồ sơ đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Duy L; về con chung: Chị và anh L có hai con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/01/2000 và Nguyễn Thùy Li, sinh ngày 17/11/2006. Hiện con Nguyễn Duy L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị đề nghị nuôi con Nguyễn Thùy Li. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản: Chị Trịnh Thị Thanh M không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Thanh M, xử chị Trịnh Thị Thanh M được ly hôn anh Nguyễn Duy L; về việc nuôi con: Chị M và anh L có hai con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/01/2000 và Nguyễn Thùy Li, sinh ngày 17/11/2006. Hiện con Nguyễn Duy L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao con Nguyễn Thùy Li cho chị M trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết; về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Thanh M không yêu cầu Toà án giải quyết; về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Duy L cư trú tại địa bàn quận Ngô Quyền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn:

[2] Nguyên đơn chị Trịnh Thị Thanh M vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Duy L tiếp tục vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự; điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L được xác lập từ ngày 25 tháng 02 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận N, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Quá trình chung sống chị M và anh L chung sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống, hơn nữa anh L không quan tâm đến gia đình vợ con, chính vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến năm 2010 anh L vi phạm pháp luật Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", sau đó anh L bỏ trốn. Ngày 08/7/2010 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định truy nã số 30/QĐTN, từ đó cho đến nay chị M không biết anh L đi đâu. Chị và gia đình cũng đã tìm kiếm trên các phương tiện thông tin Báo, Đài tiếng nói Việt Nam, nhưng đến nay cũng không có tin tức của anh L. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thanh M.

[6] Về việc nuôi con: Chị M và anh L có hai con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 14/01/2000 và Nguyễn Thùy Li, sinh ngày 17/11/2006. Hiện con Nguyễn Duy L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét: Anh L hiện đang bị truy nã, hơn nữa từ khi anh L bỏ đi thì chị M vẫn là người trực tiếp nuôi con. Mặt khác, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cho con, nên giao con Nguyễn Thùy Li, sinh ngày 17/11/2006 cho M trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Mai không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Thanh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trịnh Thị Thanh M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Chị Trịnh Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị Thanh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thanh M được ly hôn anh Nguyễn Duy L.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung là Nguyễn Thùy Li, sinh ngày 17/11/2006 cho chị Trịnh Thị Thanh M trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con M không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Trịnh Thị Thanh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Thanh M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006159 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị Thanh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Trịnh Thị Thanh M và anh Nguyễn Duy L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (GCNKH ngày 25/2/2000);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Quang Trung, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng (CNKH ngày 24/11/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (CNKH ngày 24/11/2003);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.